

Số: 140/BC-UBND

Minh Long, ngày 25 tháng 4 năm 2022

**BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện chi phòng, chống dịch; hỗ trợ người lao động và người  
sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 đến hết năm 2021  
(Có xác nhận Kho bạc nhà nước)**

Thực hiện Công văn số 931/STC-NS ngày 04/4/2022 của Sở Tài chính về việc báo cáo kết quả thực hiện chi phòng, chống dịch; hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 đến hết năm 2021 (có xác nhận Kho bạc nhà nước).

UBND huyện Minh Long báo cáo kết quả thực hiện chi phòng, chống dịch; hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 đến hết năm 2021 trên địa bàn huyện như sau:

1. Năm 2020: Kinh phí NSNN thực hiện một số chế độ đặc thù phòng, chống dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 37/NQ-CP: 3.691,065 triệu đồng

2. Năm 2021: Kinh phí NSNN thực hiện một số chế độ đặc thù phòng, chống dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 16/NQ-CP: 1.608,635 triệu đồng

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

UBND huyện Minh Long báo cáo cho Sở Tài chính theo quy định, /

**Nơi nhận:**

- Sở Tài chính;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng TCKH huyện;
- VP: C, PCVP;
- Lưu VT.



**Đình Văn Điết**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN MINH LONG**

**TỔNG HỢP NHU CẦU, NGUỒN LỰC VÀ KINH PHÍ PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID - 19; HỖ TRỢ CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG DO TÁC ĐỘNG CỦA ĐẠI DỊCH COVID - 19 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN MINH LONG ĐẾN HẾT NĂM 2021**



(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 4 năm 2022 của UBND huyện Minh Long)

STT	Nội dung	Tổng kinh phí đã chi đến ngày 31/12/2021	Trong đó	
			Đối tượng (người)	Nguồn NSNN (Triệu đồng)
A	B	(1)	(2)	(3)
A	Năm 2020	3.691,065	3.794	3.691,065
I	Kinh phí NSNN thực hiện một số chế độ phụ cấp đặc thù trong phòng, chống dịch Covid - 19 theo Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 29/03/2020, số 16/NQ-CP ngày 08/02/2021, số 17/NQ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ	3.691,065	3.794	3.691,065
1	Xã Long Môn	544,500	606	544,500
2	Xã Thanh An	863,250	944	863,250
3	Xã Long Hiệp	691,250	740	691,250
4	Xã Long Mai	938,250	1091	938,250
5	Xã Long Sơn	462,750	413	462,750

*Đinh*

STT	Nội dung	Tổng kinh phí đã chi đến ngày 31/12/2021	Trong đó	
			Đối tượng (người)	Nguồn NSNN (Triệu đồng)
A	B	(1)	(2)	(3)
6	BCH Quân sự huyện	133,915		133,915
7	Trung tâm Y tế huyện	57,150		57,150
<b>B</b>	<b>Năm 2021</b>	<b>1.608,565</b>	<b>815</b>	<b>1.608,565</b>
<b>I</b>	<b>Kinh phí NSNN thực hiện phòng, chống dịch Covid - 19</b>	<b>1.227,565</b>	<b>814</b>	<b>1.227,565</b>
1	Kinh phí NSNN thực hiện một số chế độ phụ cấp đặc thù trong phòng, chống dịch Covid - 19 theo Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 29/03/2020, số 16/NQ-CP ngày 08/02/2021, số 17/NQ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ	1.227,565	814	1.227,565
1	Xã Long Môn	34,500	22	34,500
2	Xã Thanh An	23,940	33	23,940
3	Xã Long Hiệp	50,000	50	50,000
4	Xã Long Mai	12,000	12	12,000
5	Xã Long Sơn	78,230	192	78,230
6	BCH Quân sự huyện	554,995	413	554,995
7	Trung tâm Y tế huyện	131,360		131,360
8	Phòng Y tế huyện	69,390		69,390
9	Công an huyện	258,150	80	258,150
10	Huyện ủy huyện Minh Long	15,000	12	15,000

*[Handwritten signature]*

STT	Nội dung	Tổng kinh phí đã chi đến ngày 31/12/2021	Trong đó	
			Đối tượng (người)	Nguồn NSNN (Triệu đồng)
A	B	(1)	(2)	(3)
2	Kinh phí thực hiện một số chế độ phụ cấp đặc thù trong phòng, chống dịch theo các Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 06/05/2021, số 58/NQ-CP ngày 08/06/2021, số 79/NQ-CP ngày 22/7/2021 của Chính phủ			
II	<b>Kinh phí NSNN hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid - 19</b> (theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ và số 126/NQ-CP ngày 08/10/2021 của Chính phủ	1,000	1	1,000
1	Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương, gồm:			
	a) Đối tượng tạm hoãn hợp đồng, nghỉ việc không hưởng lương từ 15 ngày liên tục trở lên đến dưới 01 tháng (1.855.000 đồng/người)			
	b) Đối tượng tạm hoãn hợp đồng, nghỉ việc không hưởng lương từ 01 tháng trở lên (3.710.000 đồng/người)			
	c) Hỗ trợ thêm người lao động đang mang thai hoặc nuôi con chưa đủ 06 tuổi			
	<u>Trong đó:</u>			
	Người lao động tại điểm a), b) đang mang thai (hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/người)			

*Trần*

STT	Nội dung	Tổng kinh phí đã chi đến ngày 31/12/2021	Trong đó	
			Đối tượng (người)	Nguồn NSNN (Triệu đồng)
A	B	(1)	(2)	(3)
	Người lao động tại điểm a), b) đang nuôi con chưa đủ 06 tuổi (hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/trẻ em)			
	Hỗ trợ người lao động ngừng việc (1.000.000 đồng/người), trong đó:			
2	a) Người lao động đang mang thai (hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/ người)			
	b) Người lao động đang nuôi con chưa đủ 06 tuổi (hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/trẻ em)			
	Hỗ trợ người lao động chấm dứt hợp đồng lao động (3.710.000 đồng/người), trong đó:			
3	a) Người lao động đang mang thai (hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/ người)			
	b) Người lao động đang nuôi con chưa đủ 06 tuổi (hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/trẻ em)			
	Hỗ trợ đối với người đang điều trị Covid - 19, cách ly y tế, gồm:	1,000	1	1,000
	a) Người đang điều trị Covid - 19 (F0) (80.000 đồng/người/ngày)			
4	b) Người đang cách ly y tế (F1) (80.000 đồng/người/ngày)			

*Handwritten signature*

STT	Nội dung	Tổng kinh phí đã chi đến ngày 31/12/2021	Trong đó	
			Đối tượng (người)	Nguồn NSNN (Triệu đồng)
A	B	(1)	(2)	(3)
	Trong đó, trẻ em đang điều trị Covid - 19 hoặc cách ly y tế (hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/trẻ em)	1,000	1	1,000
5	Hỗ trợ viên chức hoạt động nghệ thuật và người lao động là hướng dẫn viên du lịch (3.710.000 đồng/ người), gồm:			
	a) Hỗ trợ viên chức hoạt động nghệ thuật			
	b) Hỗ trợ người lao động là hướng dẫn viên du lịch			
6	Hỗ trợ hộ kinh doanh (3.000.000 đồng/hộ)			
7	Hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề (1.500.000 đồng/người)			
8	Hỗ trợ lao động không có giao kết hợp đồng và một số đối tượng đặc thù khác (chính sách đặc thù của địa phương), gồm:			
	a) Đối tượng là lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do)			
	b) Đối tượng đặc thù của địa phương			
III	<b>Kinh phí mua vắc xin theo Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 26/02/2021 của Chính phủ</b>	<b>380,000</b>		<b>380,000</b>
	Chuyển cho Sở Y tế Quảng Ngãi theo QĐ số 409/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	380,000		380,000

*Handwritten signature*